

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2022/DS-ST

Ngày: 04-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Nam Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Huy Hoàng;
2. Ông Nguyễn Quang Tuấn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 192/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: X, Thành phố Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Khánh T, sinh năm: 1986 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền công chứng ngày 07/01/2021).
(Có mặt)

Địa chỉ: M, N, thành phố O, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị V, sinh năm: 1964 (Vắng mặt không có lý do);

Địa chỉ: F, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Lê Khánh T trình bày:

Vào ngày 12/7/2016 bà T có cho bà V vay số tiền 50.000.000 đồng có làm giấy mượn tiền ngày 12/7/2016, thời hạn vay là 6 tháng, không có lãi suất, giấy

mượn tiền này do bà V viết, giao tiền tại nhà bà T tại 976/10 tỉnh lộ 43, phường Bình Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cho đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bà V chưa trả cho bà T số tiền gốc nào. Mặc dù bà T đã yêu cầu bà V trả tiền nhiều lần, nhưng bà V không trả.

Khi vay tiền bà V ghi địa chỉ của bà V ở F, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T xác định địa chỉ cư trú cuối cùng của bà V là ở D19/21, ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay bà Trần Thị T chỉ yêu cầu một mình bà Lâm Thị V trả ngay một lần số tiền vay còn thiếu số tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 12/01/2017 đến ngày 04/8/2022, với mức lãi suất 10%/năm là 27.819.444 đồng; Tổng cộng là 77.819.444 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lâm Thị V vắng mặt nên không thể hiện ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán cần lưu ý về thời hạn giải quyết hồ sơ.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị T khởi kiện bà Lâm Thị V tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về áp dụng pháp luật: Mặc dù giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực, tuy nhiên giao dịch dân sự trên đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp theo Bộ luật dân sự năm 2015, căn cứ theo Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn làm cơ sở giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Lâm Thị V mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng

mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Tòa án triệu tập bị đơn bà Lâm Thị V đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trần Thị T nhưng bà V không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, bà V đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

[4.2] Căn cứ giấy mượn tiền ngày 12 tháng 7 năm 2016 giữa bà Trần Thị T với bà Lâm Thị V có thể xác định bà V có vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 06 tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà V không trả tiền gốc cho bà T. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 nên yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả tiền lãi từ ngày 12/01/2017 đến ngày 04/8/2022 với mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng số tiền 27.819.444 đồng. Xét, theo giấy mượn tiền ngày 12 tháng 7 năm 2016 giữa các bên không có thỏa thuận lãi suất cho vay. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về việc xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015:

Điều 5. Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 hoặc xác lập trước ngày 01-01-2017 nhưng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết này thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng được xác định như sau:

1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy

định khác. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc);

Sau khi vay tiền của bà Tín, mặc dù đã đến hạn trả nợ nhưng bà V không trả số tiền gốc nào cho bà Tín, căn cứ vào khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi như trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T buộc bị đơn bà Lâm Thị V phải trả cho bà Trần Thị T số tiền vay gốc còn thiếu là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là 27.819.444 (hai mươi bảy triệu, tám trăm mười chín nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn) đồng (tính lãi từ ngày 12/01/2017 đến ngày 04/8/2022 với mức lãi suất là 10%/năm).

[6] Xét lời đề nghị của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 77.819.444 đồng = 3.890.972 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Lâm Thị V;

Buộc bà Lâm Thị V có trách nhiệm trả ngay một lần cho bà Trần Thị T số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và số tiền lãi là 27.819.444 đồng; tổng cộng là 77.819.444 (bảy mươi bảy triệu, tám trăm mười chín nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lâm Thị V không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng bà V còn phải

chiều tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Bà Lâm Thị V chịu 3.890.972 (ba triệu, tám trăm chín mươi nghìn, chín trăm bảy mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0081556 ngày 23/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Bình Chánh;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)



Tạ Nam Phương